

Đại Việt Quốc Tổng Lãm Đồ (ĐVQTLĐ)

大越國總覽圖

(Tiếp theo)

Trước khi tiếp tục tra cứu các địa danh, người viết xin trình bày thêm tra cứu về nguồn gốc của Đại Việt Quốc Tổng Lãm Đồ (ĐVQTLĐ):

Mặc dù tác giả Phạm Văn Sơn đã in trong Việt Sử Tân Biên, quyển 2, trang 394:

"- Là bản-đồ nước ta do hai Đại-tướng nhà Minh, Chinh-nam tướng-quân kiêm Quốc-công Mộc-Thạnh và Tân-binh-hầu Trương-Phụ phác-họa trong niên-hiệu Vĩnh-Lạc (1403-1424).

Tuy nhiên trong sách Việt Sử Toàn Thư của ông, nhà xuất bản Đại Nam, đã thêm ghi chú với bốn trang vào giữa trang 488 và trang 489 như sau: một trang với lời "XIN CHÚ Ý", hai trang kể là bản vẽ ĐVQTLĐ và trang sau cùng để trống. Trang "XIN CHÚ Ý" viết như sau:

*"Đây là Đại-Việt-quốc tổng lãm đồ đã in trong Việt Sử Tân Biên quyển II. Bản đồ này do một cơ quan văn hóa và khảo cổ cho mượn. Vì việc ấn hành sách này hơi gấp nên chúng tôi chưa kịp kiểm soát kỹ càng lời chú thích rằng bản đồ này do hai tướng nhà Minh là Trương Phụ và Mộc Thạnh đã dùng để đánh nước ta trong thời Hậu Trần và thời Bình Định vương Lê Lợi khởi nghĩa và đã do người Tàu vẽ. Chỗ xuất xứ trên đây và vài chỗ địa danh có lẽ sai, trái lại bản đồ này có thể do ta vẽ vào **thời Lê Trung Hưng**. Chúng tôi thành thực xin cáo lỗi cùng các độc giả. Sau xin lưu ý quý vị về kỹ thuật của ta trong việc vẽ bản đồ đã theo lối tượng hình, như vậy có khác kỹ thuật vẽ bản đồ của Âu châu có phân tinh vi hơn nhưng dù sao lối vẽ của ta cũng như của Tàu vẫn có thể giúp người coi hình dung được thế sông ngòi, núi non và các địa phương trong nước."*

Nhận xét về xuất xứ của ĐVQTLĐ:

Chữ "Đại Việt" trong ĐVQTLĐ.

Chỉ người Việt mới dùng chữ này cho tên của một sáng tác nào đó. Người Tàu - với tính cách hợm hĩnh, coi thường một nước nhỏ- không dùng chữ này mà thường dùng chữ "An Nam" để chỉ nước Việt. Vì thế Trương Phụ và Mộc Thạnh mang quân đi xâm lăng Đại Việt chắc là không dùng chữ "Đại Việt" cho tên của bản đồ trong việc xâm lăng. Vậy có lẽ bản đồ này không phải do hai tướng này vẽ mà **do người Việt vẽ.**

ĐVQTLĐ được vẽ khi nào?

Theo như đỉnh chính của ông Phạm Văn Sơn thì "*có thể do ta vẽ vào thời Lê Trung Hưng*". ĐVQTLĐ có những đơn vị hành chính lớn như "Hải Dương thừa cai", "Kinh Bắc thừa cai", "Sơn Tây thừa cai", "An Bang thừa cai", "Sơn Nam thừa cai".

Nhận xét về đơn vị hành chính qua các triều đại, thì chúng ta thấy là thời nhà Đinh và nhà Tiền Lê đơn vị là "**đạo, châu, động**". Thời nhà Lý đơn vị là "**lộ, phủ, châu**". Thời nhà Trần đơn vị là "**lộ, phủ, trấn, huyện**". Thời Minh thuộc là "**phủ, châu, huyện**". Khi vua Lê Thái Tổ - Lê Lợi - dành lại độc lập thì đơn vị hành chính là "**đạo, trấn, lộ, huyện, châu**". Đời vua Lê Thánh Tông chia toàn quốc thành 13 "**thừa tuyên**", đơn vị nhỏ hơn là "**phủ**" rồi tới "**huyện**". Sau đó đến thời Hồng Đức, vua Lê Thánh Tông lại đổi "thừa tuyên" thành "**xứ**". Đến đời Lê Trung Hưng thì chính quyền chúa Trịnh chia miền Bắc (Đàng Ngoài) ra thành "**trấn**" và "**phiên trấn**" (vùng núi). Thời nhà Nguyễn vua Gia Long chia toàn quốc thành 23 "**trấn**" và 4 "**doanh**". Miền bắc (Bắc Thành) gồm 11 "trấn" gọi chung là "tổng trấn", miền trung (Kinh Kỳ) gồm 7 "trấn" và 4 "doanh", miền nam (Gia Định) gồm 5 "trấn". Đến đời Minh Mạng đặt lại các đơn vị hành chính là "**tỉnh, phủ, huyện**".

Như đã trình bày thì không có đơn vị hành chính nào là "**thừa cai**" qua các đời. Vậy ĐVQTLĐ được vẽ khi nào?

Nhìn trên ĐVQTLĐ ta thấy phía nam của ĐVQTLĐ, có những địa danh được ghi lại như "*Trấn Ninh*", "*Quảng Nam khẩu*". Trấn Ninh là tên phủ đã được lập từ thời Hồng Đức năm thứ 10 (1479)¹, còn Quảng Nam cũng đã được thành lập từ năm 1471². Phía dưới ĐVQTLĐ có hàng chữ " Nam chí Chiêm Thành quốc nhất thiên cửu bách lý" (1900 dặm khoảng 900Km- một lý khoảng nửa Km). Nước Chiêm Thành cách xa phía nam với khoảng cách khá lớn. Chúng ta biết rằng vùng nằm trong khoảng cách này là vùng do chúa Nguyễn quản trị. Từ nhận định trên chúng ta nhận biết được hai vấn đề là bản đồ được vẽ sau thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497) khá xa, khi nhà Nguyễn đã vào trấn thủ vùng Thuận Hóa và mở mang bờ cõi về phía nam. Vậy xuất xứ của ĐVQTLĐ **có lẽ** đúng như đỉnh chính của ông Phạm Văn Sơn là bản đồ này "*có thể do ta vẽ vào thời Lê Trung Hưng*" (1533-1789).

¹ Kỷ Hội, [Hồng Đức] năm thứ 10 [1479] Đã định ngày 28 tháng 7 này, đặc mệnh tướng thần, chia đường tiến đánh. Chinh Tây tướng quân. Lê Thọ Vực là tiên phong, đi đường chính chỉ huy các quân các doanh du kích, trước hãy giết tên cháu hiếu của giặc Bồn Man để chặt vây cánh nó, rồi chiếm ngay đất hiểm yếu là xứ Trấn Ninh mà đánh vào lòng giặc.

² ĐVSKTT: Tân Mão, [Hồng Đức] năm thứ 2 [1471]... Tháng 6, lấy đất Chiêm thành đặt làm thừa tuyên Quảng Nam.



Ghi chú: Địa danh với màu xanh là những đơn vị hành chính thời Hậu Trần.

Người viết xin cáo lỗi cùng các độc giả vì bây giờ mới có nhận xét này về xuất xứ của ĐVQTLĐ, cũng như một vài địa danh đã bị lầm lẫn và xin tiếp tục tra cứu về các địa danh để hy vọng là chúng ta có **thêm dữ kiện về xuất xứ của Đại Việt Quốc Tổng Lâm Đồ - một tài liệu quý giá về địa lý của nước Việt nhiều thế kỷ trước vốn rất hiếm hoi còn được lưu truyền.**

5. Lạng Giang (滌江), An Lão (安老), Yên Thế (安世), Tư Nông (司農), Lộc Ninh (祿寧), Yên Việt (安越) Hát Giang (喝江).

Ghi chú: xin đính chính là An Việt trong vùng số 5 chứ không phải là An Lộc như đã đăng.

Lạng Giang (滌江):

ĐNNTC, tập 4, trang 63: “ **Phủ Lạng Giang: ở cách tỉnh thành 31 dặm về phía đông bắc; đông tây cách nhau 101 dặm, nam bắc cách nhau 39 dặm, phía tây đến giang phận huyện Yên Dũng (Nv: địa danh “Yên Dũng” nay vẫn còn, sông Thương đối hướng, chảy từ tây bắc tới đông nam ở khoảng giữa, huyện này nằm kế phía đông bắc tỉnh Bắc Ninh, thuộc tỉnh Bắc Giang ngày nay). Từ đời Trần về trước là đất lộ Bắc Giang; thời thuộc Minh đặt phủ Lạng Giang, đời Lê Quang Thuận vẫn gọi phủ Lạng Giang, bản triều đầu đời Gia Long vẫn gọi như thế.**”

ĐNNTC, tập 4, trang 65: “ **Phân phủ Lạng Giang**: ở cách phủ 39 dặm về phía bắc, lệch về phía đông, đông tây cách nhau 84 dặm; phía đông đến giang phận huyện Bảo Lộc phủ Lạng Giang 8 dặm, phía tây đến huyện Hiệp Hoà phủ Thiên Phúc 24 dặm, phía nam đến giang phận huyện Võ Giàng phủ Từ Sơn 34 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Từ Nông tỉnh Thái Nguyên 50 dặm.”

Theo sách "Đất nước Việt Nam qua các đời" (ĐNVNQCĐ), trang 102, của học giả Đào Duy Anh, thì Lạng giang cuối đời Trần là đơn vị hành chính cấp phủ gồm các châu Lạng Giang (4 huyện) , Nam Sách (3 huyện), Thượng Hồng (3 huyện) và 4 huyện trực thuộc.

Theo như ĐNNTC viết ở trên, thì có lẽ “Lạng Giang” trong ĐVQTLĐ bao gồm huyện Lạng Giang, phía tây bắc huyện Lục Nam và phía bắc huyện Yên Dũng (tỉnh Bắc Ninh) ngày nay. **Địa danh Lạng Giang nay vẫn còn, nhưng đã bị thu nhỏ thành đơn vị hành chính cấp huyện.**

An Lão (安老) - (Phỏng đoán đây là **Yên Dũng (安?)**) :

Địa danh **An Lão** xuất hiện hai nơi trong chú thích của ông Phạm Văn Sơn (trong VSTB, quyển 2, trang 396). Nơi thứ nhất nằm cạnh địa danh “Yên Thế (安世)” (vùng số 5). Nơi thứ hai ở gần địa danh “Đồ Sơn” (塗山) (vùng số 15 trong ghi chú cùng trang). Như ông PVS đã viết trong “*Ghi chú*” là “*vài chỗ địa danh có lẽ sai*”. Người viết phỏng đoán đây là Yên Dũng (安?) vì địa danh này nằm kề phía đông nam của huyện Yên Thế phụ thuộc lộ Lạng Giang thời Hậu Trần.

ĐNNTC, tập 4, trang 55: “ Năm Quang Thuận thứ 10, định bản đồ của cả nước, đổi gọi là Kinh Bắc, lãnh 4 phủ 20 huyện.... Phủ Lạng Giang lãnh 6 huyện Phượng Nhãn, Hữu Lũng, **Yên Dũng**, Bảo Lộc, Yên Thế và Lục Ngạn.”

ĐNNTC, tập 4, trang 66: “ ở cách phân phủ 19 dặm về phía đông, đông tây cách nhau 28 dặm, nam bắc cách nhau 23 dặm, Từ đời Trần trở về trước gọi là Cổ Dũng; thời Minh lệ vào phủ Lạng Giang; đời Lê Quang Thuận đổi tên hiện nay.”

Theo ĐNVNQCĐ trang 102 thì Yên Dũng trong ĐVQTLĐ là Cổ Dũng thời Hậu Trần và là huyện Yên Dũng ngày nay.

Yên Thế(安世)

ĐNNTC, tập 4, trang 65: “*Huyện Yên Thế: ...tên Huyện có từ đời Trần về trước; thời thuộc Minh đổi là Thanh Yên, do châu Lạng Giang lãnh, lệ vào phủ Lạng Giang, đời Lê Quang Thuận trở lại tên cũ, bỏ châu Lạng Giang, cho lệ vào phủ, bản triều, đầu đời Gia Long vẫn theo như thế;*”.

Địa danh này ngày nay vẫn còn, là một huyện phía tây bắc tỉnh Bắc Giang.

Tur Nông(司農)

ĐNNTC, tập 4, trang 156: “*Huyện Tur Nông: đông tây cách nhau 58 dặm, nam bắc cách nhau 34 dặm, phía đông đến địa giới huyện Yên Thế tỉnh Bắc Ninh 34 dặm, phía tây đến địa giới huyện Phổ Yên 24 dặm, phía nam đến địa giới huyện Hiệp Hoà tỉnh bắc Ninh 18 dặm, phía bắc đến địa giới các huyện Đông Hỷ và Vũ Nhai 16 dặm. Huyện đặt từ trước thời thuộc Minh, đời Lê vẫn theo như thế, phiên thân họ Ma nối đời quản trị, bản triều đầu đời Gia Long vẫn theo như thế;*”.

ĐVSKTT, quyển 1, trang 288: “*Đình Dậu, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 8 [1117] Thủ lĩnh châu Tur Nông là Hà Vĩnh Lộc dâng con ngựa hồng có cựa*” (???).
Với ghi chú cuối trang 288 trong ĐVSKTT : “*Tur Nông: tên châu thời Lý, nay là huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên*”, và ghi chú cuối trang 295: “*Nông Châu: tức châu Tur Nông (hoặc còn gọi là Tây Nông như ở BK3, 34a), nay là huyện Phú Bình, tỉnh Bắc Thái*”.

Địa danh này nay không còn dùng. Theo như diễn tả bên trên cũng như ĐNVNQCĐ trang 102, thì địa danh **Tur Nông là huyện Phú Bình, phía đông nam tỉnh Thái Nguyên ngày nay.**

Lộc Ninh (祿寧):

Trong ĐVQTLĐ, địa danh này nằm giữa hai địa danh “Lạng Giang” và “An Việt”. Thời Hậu Trần có hai địa danh là Bảo Lộc và Yên Ninh tọa lạc tại vị trí này.

Theo ĐNNTC thì “*Huyện Bảo Lộc: ở cách phủ 3 dặm về phía bắc,, phía tây đến giang phận huyện Yên Dũng 3 dặm, ...*”

Sách ĐNVNQCĐ, trang 102 của học giả Đào Duy Anh cho biết Bảo Lộc là vùng đất của thị trấn Phủ Lạng Thương hay thị trấn Bắc Giang ngày nay. Cũng như cho biết thêm là huyện Yên Ninh gần Long Nhân thời Hậu Trần, huyện này giáp hai huyện Bảo Lộc và Yên Dũng. Như vậy thì Lộc Ninh là do hai địa danh và vị trí của Bảo **Lộc** và Yên **Ninh** gom lại.

Vậy địa danh Lộc Ninh trong ĐVQTLĐ là vùng thị trấn Bắc Giang ngày nay.

Yên Việt (安越)

Theo ĐNNTC, “*huyện Việt Yên: phía đông đến địa giới huyện Yên Dũng 29 dặm..., xưa là huyện Yên Việt...*”.

Địa danh Yên Việt trong ĐVQTLĐ cũng là huyện Việt Yên trong sách ĐNNTC và cũng giống như trong sách ĐNVNQCĐ của học giả Đào Duy Anh.

Địa danh Yên Việt trong ĐVQTLĐ là huyện Việt Yên ngày nay.

ĐNNTC, tập 4, trang 184 - 186, tỉnh Sơn Tây: “Là đất Phong Châu xưa, Hùng Vương đóng đô ở đây, Nước ta các đời Đinh, Lê Lý gọi là châu; đầu đời Trần gọi là lộ. Thời thuộc Minh, là đất các phủ Giao Châu, Tuyên Hoá, Tam Giang và châu Quảng Oai..... Đầu đời Lê là các lộ Quốc Oai Thượng, Quốc Oai Trung và Quốc Oai Hạ thuộc Tây Đạo. Năm Quang Thuận thứ 7, gọi là Quốc Oai thừa tuyên, năm thứ 10 định bản đồ cả nước, gọi là Sơn Tây thừa tuyên, lãnh 6 phủ và 24 huyện; năm Hồng Đức thứ 21 gọi là xứ **Sơn Tây**, sau đổi làm trấn.... Bản triều, năm Gia Long thứ 1, vẫn để tên trấn như cũ, lãnh 5 phủ gồm 24 huyện.... Năm Minh Mệnh thứ 12, chia tỉnh hạt, gọi là tỉnh Sơn Tây.... Nay lãnh 5 phủ, 1 phân phủ, 21 huyện (1)”

Ghi chú cuối trang 186: “(1) : Thời Pháp thuộc, tách đất Sơn Tây (phủ Đoan Hùng và phủ Lâm Thao) và đất Hưng Hoá (các huyện Tam Nông, Thanh Thủy, hai châu Thanh Sơn, Yên) đặt làm tỉnh **Phú Thọ**.”

Thạch Thất (石室)

ĐVSKTT: "Nhâm Thìn, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 3 [1112] ... Gặp lúc nhà sư núi Thạch Thất là Từ Đạo Hạnh đến chơi nhà, hầu nói với Đạo Hạnh về việc cầu tự. Đạo Hạnh dặn rằng: " Bao giờ phu nhân sắp đến ngày sinh thì báo cho tôi biết trước để cầu khấn với sơn thần". Ba năm sau, phu nhân có mang sinh con trai là [Lý] Dương Hoán."

Địa danh Thạch Thất đã có từ thời nhà Lý.

Địa danh này ngày nay vẫn còn là huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.

Phúc Lộc (福祿)

ĐNNTC, tập 4, trang 188: Huyện Phúc Thọ: Đời Hán là đất huyện Mê Linh, quận Giao Chỉ; đời Lê Quang Thuận gọi là Phúc Lộc;, đời Tây Sơn đổi là Phú Lộc; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi tên hiện nay (nv: Phúc Thọ)

Minh Nghĩa (明義)

ĐNNTC, tập 4, trang 187: "Huyện Tùng Thiện: ... phía đông đến địa giới huyện Phúc Thọ 6 dặm, phía tây đến địa giới huyện Bất Bạt 26 dặm, ... đời Trần gọi là Ma Lung; thời Minh thuộc vẫn theo như thế, lệ vào châu Quảng Oai; đời Lê Quang Thuận gọi là Ma Nghĩa, lệ vào phủ Quảng Oai sau đổi là **Minh Nghĩa**, năm Tự Đức, ... năm thứ 7 đổi tên hiện nay (nv: Tùng Thiện)..."

Minh Nghĩa trong ĐVQTLĐ là huyện Tùng Thiện. Huyện Tùng Thiện nay là vùng thành phố Sơn Tây, tỉnh Hà Tây.

Quang Phong (光豐)

ĐNNTC, có địa danh là huyện **Tiên Phong (先豐)**

Người viết phỏng đoán vì hai chữ "Quang 光" và chữ "Tiên 先" viết khá giống nhau nên đã bị phiên âm là "Quang Phong" trong bản dịch đính kèm trong VSTB.

ĐNNTC, tập 4, trang 188: "*Huyện Tiên Phong đông tây cách nhau 22 dặm, nam bắc cách nhau 21 dặm; phía đông đến địa giới huyện Phúc Lộc 7 dặm, Đồi Lê Quang Thuận gọi là Tân Phong, sau đời Trung Hưng, vì tránh tên húy (Nv: vua Kính Tông Lê Duy Tân 黎維新 1588-1619) đổi làm tên hiện nay (nv: Tiên Phong)⁴; trước lệ phủ Tam Đái; đời Cảnh Hưng (nv: 1740 - 1786; Lê Hiến Tông 1717 - 1786), đổi lệ phủ Quảng Oai; bản triều vẫn theo như thế; ..."*

Huyện Quảng Oai thuộc tỉnh Sơn Tây (thời Nguyễn), nay là Hà Tây (năm 1965 Hà Đông và Sơn Tây gộp chung lại thành Hà Tây). Hiện nay vẫn còn địa danh là xã Tiên Phong tại huyện Ba Vì.

Vật Tiên Phong trong ĐVQTLĐ tọa lạc tại huyện Ba Vì phía tây bắc tỉnh Hà Tây.

Đa Bang thành(多邦城)

ĐVSKTT: "(Hò) Hán Thương sai Thái thú Đông lộ Hoàng Hối Khanh đốc suất dân phu [49b] đắp thành Đa Bang để chống giặc (Minh)."

KĐVSTGCM: "Lời chua - Thành Đa Bang: Nay ở xã Cổ Pháp, huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây."

Địa danh Đa Bang Thành trong ĐVQTLĐ tọa lạc tại phía tây bắc huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây ngày nay.

7. Tản Viên Sơn (傘園山).

ĐNNTC, tập 4, trang 188: Núi Tản Viên: ở địa giới hai huyện Tùng Thiện và Bất Bạt⁵, ba ngọn cao chót vót...."

Núi Tản Viên là một ngọn núi nổi tiếng trong dãy núi Ba Vì, ở quận Ba Vì phía tây bắc tỉnh Hà Tây.

(còn tiếp)

⁴ Lê Kính Tông lên ngôi lúc 11 tuổi, - năm 1599 - bị Trịnh Tùng giết năm 1619 vì mưu với Trịnh Xuân (con Trịnh Tùng) để tìm cách lật đổ ông này. **Từ dữ kiện này này, chúng ta có thêm chi tiết về xuất xứ của ĐVQTLĐ.**

⁵ Huyện Ba Vì do 3 huyện Bất Bạt (là huyện Long Bạt đời Trần), Tùng Thiện và Quảng Oai hợp lại (1968).